



FUJIKURA FIBER OPTICS VIETNAM CO., LTD.

PURCHASE SPECIFICATION

Packing case & Packing lid of CRM-FLU-CMS

Registered No. : 7-FPS-0472
Version : 2
Issued day : 07-Sep-2024

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'D.H.Nhung'.

Prepared by: D.H.Nhung
Date: 07-Sep-2024

Engineer of
MDP Section

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'N. T. Phuong', with a red circular stamp over it that says 'MDP Manager'.

Checked by: N. T. Phuong
Date: 07-Sep-2024

Manager of
MDP Section

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'P.V.Thach'.

Approved by: P.V.Thach
Date: 07-Sep-2024

Manager of
Design Engineering Division

TABLE LIST

Table 1: List of Parts	2
Table 2: RoHS standard	2
Table 3: Inspection Checklist and requirement	4
Table 4: Packing.....	5
Table 5: Delivery	7

PACKING Case & Packing Lid of CRM-FLU-CMS**PURCHASING SPECIFICATION: 7-FPS-0472**

Version: 2

Page: 1/9

Effective date: 07-Sep-2024

I. PURPOSE/ MỤC ĐÍCH:

This purchasing specification covers all packing base & cover that FOV purchase from TanDatViet Plastic Packaging Co. Ltd.
 /Đây là qui chuẩn mua bán khay hộp đóng gói - là loại vật tư mà cty FOV sẽ đặt mua hàng từ công ty bao bì Tân Đạt Việt.

The part list as below /Danh mục vật tư như sau:

No./STT	Part name/ Tên vật tư	Drawing No./ Bản vẽ
1	Packing case of CRM/FLU-CMS	7-DWM-0781
2	Packing lid of CRM/FLU-CMS	7-DWM-0782

II. APPLICATION/ PHẠM VI ÁP DỤNG:

This Purchase Specification is applied to all parts listed above which will be manufactured in TDVS.
 /Qui chuẩn này áp dụng cho tất cả vật tư theo danh mục trên được sản xuất tại nhà máy công ty TDVS.

This Purchase Specification concerns TDVS and FOV/ Tài liệu này là ràng buộc giữa công ty TDVS và FOV.

III. REFERENCE DOCUMENTS/ TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- + Drawing number/ Số bản vẽ: (as listed above/ như trên)
- + Working Instruction/ Hướng dẫn công việc:

No.	Part name	Working instruction No.	Version
1	Working instruction for Packing base & cover	000-7-WI-1186	The latest version

- FOV: Fujikura Fiber Optics Vietnam Co. Ltd /Công ty TNHH Fujikura Fiber Optics Việt Nam
- TDVS: Tan Dat Viet Package Co. Ltd.. /Công ty TNHH Bao bì Tân Đạt Việt
- P/O: Purchase Order /Đơn hàng
- QC: Quality control flow chart /Sơ đồ quản lý chất lượng
- 4M: 4 factors that affect to a manufacturing process. Including: Machine, Material, Method, Man
 /4 yếu tố cấu thành trong qui trình sản xuất, gồm: Máy móc, Nguyên liệu, Phương pháp, Con người.
- RoHS: Restriction of hazardous substances /Yêu cầu về Hạn chế các chất độc hại

PACKING Case & Packing Lid of CRM-FLU-CMS

PURCHASING SPECIFICATION: 7-FPS-0472

Version: 2

Page: 2/9

Effective date: 07-Sep-2024

V. CONTENT / NỘI DUNG:**1. Structure and Composition / Cấu trúc và thành phần của vật tư:**

Must be followed as table-1 below / phải tuân theo bảng 1 sau:

Table 1: List of Parts

No.	Part name	Drawing No. /Bản vẽ	Material /Nguyên liệu	Color /Màu
1	Packing case of CRM/FLU-CMS	7-DWM-0781	Follow drawing	Follow drawing
2	Packing lid of CRM/FLU-CMS	7-DWM-0782	Follow drawing	Follow drawing

2. Quality Assurance / Bảo đảm chất lượng:**2.1 Material, color, structure, function / Nguyên liệu, màu sắc, cấu trúc, chức năng:**

a/ Material, color, structure of product is followed the drawing

/Nguyên liệu, màu sắc, cấu trúc của vật tư phải đúng theo qui cách ghi trong bản vẽ.

b/ Function must be satisfied following the relative Working Instruction which is mentioned in this document

/Chức năng phải đảm bảo theo tiêu chuẩn trong hướng dẫn công việc của những vật tư trên.

c/ Color of product is followed the standard sample.

/ Màu sắc của sản phẩm phải theo mẫu tiêu chuẩn.

2.2 Dimension and tolerance / Kích thước và dung sai cho phép:

Dimension and tolerance of each part must be followed the drawing.

/Kích thước và dung sai cho phép của từng vật tư phải đúng theo qui cách ghi trong bản vẽ.

2.3 Appearance Inspection / Kiểm tra ngoại quan:

Must be followed the relative Working Instruction.

/Kiểm tra ngoại quan cho vật tư phải tuân theo đúng tài liệu Hướng Dẫn Công Việc được liệt kê như trên.

2.4 Action of nonconforming products / Hành động khắc phục cho những sản phẩm không phù hợp:

In case if nonconforming products are detected by FOV, TDVS must take action following the judgment of MDP&QA-FOV quickly. The expense cost by remaking and repairing should be accepted following the contract of trading, otherwise TDVS must remake and/or provide the substitutes service with free of charge.

/Khi FOV phát hiện những vật tư không phù hợp, TDVS phải nhanh chóng xử lý kịp thời theo sự phán quyết của MDP & QAS -FOV. Mọi chi phí sửa hàng hay làm lại hàng bù phải chịu theo hợp đồng mua bán giữa hai Bên, Còn lại TDVS phải làm hàng bù hoặc/ và bao gồm cung cấp các dịch vụ để khắc phục sự cố là hoàn toàn miễn phí.

2.5 RoHS control / Kiểm soát RoHS:

Follow the RoHS standard in table 2 /Thực hiện theo các Tiêu chuẩn RoHs ở Bảng 2

Table 2: RoHS standard

No.	Substance /Thành phần	Europe RoHS	Remarks /Ghi chú
1	Polybrominated biphenyls (PBBs)	1000 ppm	
2	Polybrominated diphenyl ethers (PBDEs)	1000 ppm	
3	Cadmium and its compounds (Cd)	100 ppm	
4	Hexavalent chromium compounds (Cr-VI)	1000 ppm	
5	Lead and its compounds (Pb)	1000 ppm	For chloridated vinyl cables-300 ppm)
6	Mercury and its compounds (Hg)	1000 ppm	
7	Bis(2-ethylhexyl) phthalate (DEHP)	1000 ppm	
8	Butyl benzyl phthalate (BBP)	1000 ppm	
9	Dibutyl phthalate (DBP)	1000 ppm	
10	Diisobutyl phthalate (DIBP)	1000 ppm	

Note / ghi chú:

For the first time of shipment, Mill sheet, RoHS CoC (Certificate of Compliance) and RoHS accurate analysis test must be attached together with the product Test Report. Beside of RoHS, other certificate/ survey regarding substance control in material will be required by FOV-QA such as chemSHERPA, 3TG, PCD... Supplier please cooperate with FOV-QA to finish this certificate/survey on time.

/Đối với đơn hàng đầu tiên, TDVS cần phải cung cấp các chứng từ sau: Mill sheet, RoHS CoC (Giấy chứng

PACKING Case & Packing Lid of CRM-FLU-CMS**PURCHASING SPECIFICATION: 7-FPS-0472**

Version: 2

Page: 3/9

Effective date: 07-Sep-2024

nhận thỏa mãn RoHS đính kèm Bảng số liệu kết quả phân tích các thành phần của RoHS) gửi đính kèm với Test Report của lô hàng. Ngoài yêu cầu về RoHS, FOV-QA còn có thể yêu cầu TDVS cung cấp các chứng nhận khác như: chemSHERPA, 3TG, PCD... khi cần. Các chứng nhận cần được gửi đúng thời hạn theo yêu cầu.

2.6 Trace ability /Khả năng nhận dạng truy tìm nguồn gốc:

- Establish control method such as check sheet to trace back and identify the 4M with each shipping lot is required.
/Yêu cầu áp dụng phương pháp quản lý sản xuất hợp lý, như: áp dụng phiếu kiểm tra sản phẩm để ghi lại 4M trong quá trình sản xuất, cũng như có thể truy tìm lại 4M, sau này khi có yêu cầu cho từng lô hàng.
- Record will be kept for at least 5 years after the date of manufacturing.
/Hồ sơ sản xuất phải được lưu giữ ít nhất 5 năm kể từ ngày sản xuất.
- All records during ramp up and initial mass production must be submitted to FOV before starting production follow plan./Tất cả hồ sơ trong quá trình chạy thử mẫu để đánh giá sản phẩm, cũng như lô hàng sản xuất đầu tiên phải được gửi đến FOV để đánh giá trước rồi mới tiến đến sản xuất hàng loạt theo kế hoạch.
- Product that ship to FOV need to separated follow manufacturing lot by private identify signal.
/Khi xuất hàng cho FOV, vật tư cần phải được đóng gói theo từng lô sản xuất và có dấu hiệu nhận diện riêng.
- Test Report of product per each lot must be same format which FOV has provided.
/Phiếu "Test report" cho từng lô sản xuất phải tuân theo đúng định dạng mà FOV cung cấp.

2.7 Any 4M change or die modification which may affect to Quality, supplier is required to submit the 4M change request to FOV to get the FOV approval in advance. /Nếu có bất kỳ thay đổi nào liên quan đến 4M hoặc sửa khuôn mà có ảnh hưởng đến chất lượng, thì TDVS phải trình đơn xin cho thay đổi 4M đến FOV duyệt, trước khi áp dụng.

Using 4M change procedure of your own. /Sử dụng mẫu đơn xin thay đổi 4M theo định dạng của công ty bạn.

2.8 During Mass Production, due to control important (specified), dimension by Manufacturing lot, therefore:
/Trong quá trình sản xuất hàng loạt, do việc kiểm soát rất quan trọng (đặc biệt kích thước) của sản phẩm theo từng lô, do đó:

- TDVS has to control Manufacturing Condition which must be stable in order to assure that color & dimensions of product is meet customer drawing or Limit sample of customer.
/TDVS phải kiểm soát điều kiện sản xuất ổn định để sao cho đảm bảo rằng: màu sắc và kích thước của sản phẩm luôn đạt theo qui cách ghi trong bản vẽ khác hoặc thỏa theo mẫu chuẩn mà FOV đã cung cấp.
- TDVS has to control Shift Lot data (Manufacturing Condition, material lot ...) of each working – shift by writing report. /TDVS phải kiểm soát dữ liệu theo ca sản xuất (điều kiện sản xuất, số seri của nguyên liệu...) của từng ca sản xuất vào phiếu ghi.
- TDVS should to consider using material following FIFO (First In –First Out) rule to ensure material is not change property following time and storage condition. /TDVS phải sử dụng nguyên vật liệu theo nguyên tắc FIFO (Nhập trước- Sử dụng trước, Nhập sau- Sử dụng sau) để giảm thiểu nguyên liệu bị biến đổi tính chất theo thời gian khi lưu kho chờ.

2.9 Control limit sample/ Kiểm soát mẫu giới hạn chuẩn

- All limit samples that TDVS use for evaluating product or semi-product during mass production, they must be approved by FOV's QA/QC in advance. /Tất cả các mẫu giới hạn chuẩn mà TDVS dùng để làm chuẩn đánh giá thành phẩm hoặc bán thành phẩm trong quá trình sản xuất, thì phải được sự chấp thuận của bộ phận QA/QC – FOV trước khi dùng.
- During mold/die development stage: limits samples with confirmation of FOV's MDP can be used, but just for development purpose only. /Trong giai đoạn phát triển vật tư, thì TDVS có thể dùng mẫu giới hạn chuẩn do MDP- FOV xác nhận, nhưng chỉ được sử dụng trong giai đoạn phát triển vật tư mà thôi.
- But for mass production stage: all limit samples must be approved by FOV's QA/QC./Nhưng chuyển qua giai đoạn sản xuất hàng loạt, thì TDVS phải dùng mẫu giới hạn chuẩn do QA/QC- FOV cung cấp.
- It means that all limit samples used during mold/die development stage shall be re-confirmed and get final approved by FOV's QA/QC before using for mass production stage. /Có nghĩa là tất cả mẫu giới hạn chuẩn được dùng trong quá trình phát triển vật tư do MDP-FOV xác nhận, phải được duyệt lại bởi QA/QC- FOV trước khi dùng cho giai đoạn sản xuất hàng loạt.

PACKING Case & Packing Lid of CRM-FLU-CMS

PURCHASING SPECIFICATION: 7-FPS-0472

Version: 2

Page: 4/9

Effective date: 07-Sep-2024

- If TDVS uses the limit samples for evaluation of mass production without approved by FOV's QA/QC, TDVS has to cover for all expenses which is generated by the non-conforming. /Nếu TDVS dùng mẫu giới hạn chuẩn để đánh giá thành phẩm mà mẫu chuẩn đó chưa được QA/QC- FOV ký duyệt, thì TDVS sẽ phải chịu toàn bộ mọi chi phí phát sinh do sản phẩm không phù hợp gây ra cho FOV.

3. Inspection checklist and requirement /Danh mục kiểm và các yêu cầu:

Must be followed as table 3 below /Phải theo Bảng 3 như sau:

Table 3: Inspection checklist and requirement /Bảng 3: Danh mục kiểm và các yêu cầu:

No.	Inspection Items /Mục kiểm		Inspection Quantity /Số lượng mẫu	Remarks /Ghi chú
1	During ramp up of production/ /Trong giai đoạn chạy thử	Appearance/ Ngoại quan	All/ Kiểm tất cả	Product which is submit by TDVS must be satisfy all appearance, dimension and function which indicated in drawing and WI issue by FOV /Thành phẩm mà TDVS trình cho FOV phải thỏa mãn tất cả các điều khoản về: ngoại quan, kích thước và chức năng... theo đúng qui cách ghi trong bản vẽ cũng như trong Bảng Hướng dẫn công việc mà FOV đã ban hành.
		Dimension/ Kích thước	All dimensions /Tất cả các kích thước	
			Specified dimensions /Các kích thước đặc biệt	
2	During control of initial production Carry out on 3 first shipping lot /Trong quá trình sản xuất 3 lô xuất hàng đầu tiên.	Appearance/ Ngoại quan	All/ Kiểm tất cả	Transfer of production plant /Bao gồm khi chuyển nơi sản xuất. Major repair of mold/ die cut-blade /Hoặc khi có sửa chữa lớn về khuôn hoặc khuôn cắt
		Dimension /Kích thước	All dimensions /Tất cả các kích thước	
			Specified dimensions /Các kích thước đặc biệt	
3	During mass production /Trong quá trình sản xuất hàng loạt	Appearance/ Ngoại quan	All/ Kiểm tất cả	
		Dimension /Kích thước	All dimensions/ Tất cả các kích thước.	
			Specified dimensions /Các kích thước đặc biệt	
			Additional 2pcs Total 3 pcs/ Manufacturing lot /Kiểm thêm 2 mẫu nữa Tổng cộng là 3 mẫu.	
			N = 1 pcs / Manufacturing lot /1 mẫu cho mỗi lô sản xuất	
			N = 5 pcs/ Manufacturing lot (get the sample 3 times: 2pcs at the beginning, 1pc at the middle and 2 pcs at the end of Lot of each lot for checking dimension. /Chọn 5 mẫu cho mỗi lô sản xuất (theo đó lấy mẫu 3 lần: lấy 2 mẫu tại thời điểm đầu lô sản xuất, 1 mẫu vào giữa lô sản xuất, 2 mẫu vào cuối lô sản xuất)	
			N = 3 pcs/ Manufacturing lot /Chọn 3 mẫu cho mỗi lô sản xuất.	

Note:

- ❖ All dimensions and appearance are provided in drawings. Specified dimensions & Functionality are referred to Working Instruction. /Tất cả các kích thước và yêu cầu về ngoại quan được ghi trong bản vẽ. Các kích thước đặc biệt và các yêu cầu về kiểm tra chức năng được ghi trong tài liệu Hướng dẫn công việc.
- ❖ If having another idea for Inspection quantities, TDVS should submit a report to FOV so as to get FOV's approval.

PACKING Case & Packing Lid of CRM-FLU-CMS**PURCHASING SPECIFICATION: 7-FPS-0472**

Version: 2

Page: 5/9

Effective date: 07-Sep-2024

/Nếu có bất kỳ yêu cầu khác muốn thay đổi về số lượng mẫu kiểm tra, thì TDVS phải đệ trình yêu cầu kèm bảng báo cáo về cho FOV để được xem xét.

- ❖ Below gives the definition of lot /Bên dưới là định nghĩa về lô sản xuất:
 - **Manufacturing lot:** Same producing lot, producing conditions, material lot and continuous running date
/Lô sản xuất : thành phẩm trong 1 lô sản xuất thì phải có cùng điều kiện sản xuất, cùng lô nguyên liệu và sản xuất chạy liên tục không bị gián đoạn quá 1 ngày.
 - **Shipping lot:** Same order with same shipping date.
Lô xuất hàng: Trong cùng 1 đơn hàng và cùng ngày xuất hàng.

4. Packing and indication/ Yêu cầu về đóng gói và nhãn mác:

Manufacturer has to follow exactly all the sequences of packing method. In case of any change of packing method or found any un-suitable operations, manufacturer must inform to FOV about these changes. Please Apply “4M Amendment” procedure.

/Nhà sản xuất phải tuân thủ theo đúng trình tự các bước trong phương pháp đóng gói. Trường hợp muốn thay đổi phương pháp đóng gói hoặc thấy phương pháp đóng gói không phù hợp, thì nhà sản xuất phải thông báo cho FOV xin phép cho thay đổi. Thủ tục xin thay đổi phương pháp đóng gói, áp dụng theo thủ tục xin thay đổi 4M.

4.1. Packing Method /Phương pháp đóng gói:

- The product should be packaged to prevent any degradation in quality such as be damaged, dirty appearance, discoloring... during transportation and storage. /Thành phẩm phải được đóng gói để ngăn ngừa sự xuống cấp về chất lượng như: bụi bẩn, xuống màu sắc... trong suốt quá trình vận chuyển và lưu trữ.
- Product name, drawing No., quantity, manufactured date... shall be marked in a prominent place of package. /Tên thành phẩm, Số bản vẽ, số lượng, ngày sản xuất... phải được hiển thị tại vị trí dễ nhìn thấy nhất.
- Pay attention to the history of manufacturing, TDVS must package product following FIFO (First In –First Out) rule. /Chú ý đến lịch sử sản xuất, TDVS phải đóng gói thành phẩm theo nguyên tắc FIFO (Nhập trước- xuất trước, Nhập sau- xuất sau).
- If having another idea of packing spec, TDVS should submit it to FOV to get FOV’s approval.. /Nếu có bất kỳ yêu cầu thay đổi phương pháp đóng gói nào khác, TDVS phải đệ trình FOV để nhận được xem xét.

Table 4: Packing

Items	Conditions
Packing/ Đóng gói	<ul style="list-style-type: none"> - Package cases are separated individual and be covered by PE bag. Khay phải được đóng gói riêng và được bọc lại bằng bì PE. - Quantity of package case in each PE bag is not requirement but need consider chosen this quantity for suitable with purchase order. Số lượng khay trong mỗi bì PE không có quy định nhưng nên xem xét số lượng này cho phù hợp với đơn hàng. - Package case after covered by PE bag, are put into carton box carefully (protect materials from box inner wall) Khay sau khi được bọc bằng bì PE đóng gói, phải được để vào thùng carton một cách cẩn thận (nên xem xét bảo vệ khay với thành thùng carton) - Carton box sizes are chosen for handling easily. Kích thước thùng carton nên chọn dễ dàng cho thao tác. - There is no gap between products inside a box and no gap between products with inner walls of the box (for prevention of slide product during transportation and storage). Các khay nên được xếp sát nhau, không có khoảng cách giữa các khay với thành thùng (tránh khay bị ngã, đổ trong quá trình vận chuyển và lưu kho). - The other follows Vendor’s Standard. Những điều kiện không đề cập trong phần hướng dẫn đóng gói này thì sẽ theo vào tiêu chuẩn đóng gói của nhà sản xuất.
Store/ Lưu kho	Keep in dry area, indoor/ Lưu trữ nơi khô, thoáng, trong nhà xưởng.
Barcode / Mã vạch	<p>If TDVS do not find out how to create barcode, TDVS may contact QA’s PIC to gain FOV’s instruction. Nếu TDVS không tìm ra cách tạo mã vạch, TDVS có thể liên hệ với PIC của QA để xin hướng dẫn của FOV.</p>

PACKING Case & Packing Lid of CRM-FLU-CMS

PURCHASING SPECIFICATION: 7-FPS-0472

Version: 2

Page: 6/9

Effective date: 07-Sep-2024

b. PE bag label has information as bellow: There are 2 versions which can be used but Vietnamese version is preferred.

❖ Vietnamese version:

Nhãn bìch

Tem nhận dạng - FOV	
Code vật tư của FOV	
Tên vật tư	
Số bản vẽ	
Số lot sản xuất	
Số lượng/bịch	
Barcode	
Code - Lot - Số lượng	

Hướng dẫn cách điền thông tin

1. Code vật tư của FOV
2. Tên vật tư của FOV
3. Số bản vẽ FOV đặt hàng
4. Số Lot: thể hiện số lot của 1 bịch
5. Số lượng/bịch: thể hiện số lượng trong 1 bịch
10. Phần in barcode: voi format như sau

Code - Lot - Số lượng

Sử dụng font barcode: 3of9 hay 128

FOV recommend: sử dụng font 128 vì có chức năng sửa sai

❖ English version:

Label for bag

Indication label - FOV	
FOV material code	
Material name	
Drawing number	
Manufacturing Lot No	
Quantity/bag	
Barcode printing area	
Code - Lot - Quantity	

Instruction

1. FOV material code: Indicate material code of FOV
2. Material name: Indicate material name
3. Drawing number: Indicate drawing number of this material
- 4 & 5: Lot no & quantity/lot
- Indicate Lot no & quantity of this bag
6. Barcode printing area:

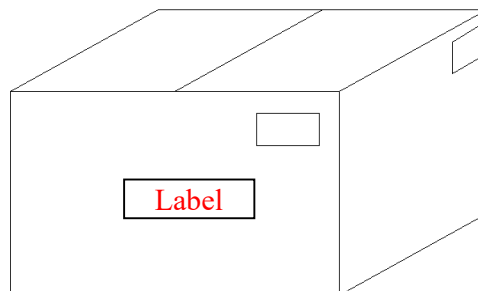
Code - Lot - quantity

Use barcodefont: 3of9 or 128

FOV recommend: using font 128 because this font has corrective function

4.2 Label indication/ Yêu cầu về nhãn:

1. Attached label at the width carton box side/ Dán nhãn trên mặt rộng của thùng
2. Align label at center of width-side/ Dán nhãn tại vị trí trung tâm mặt rộng của thùng.
3. Use a transparent sticking-plaster/ Dùng nhãn loại có keo màu trong suốt.



PACKING Case & Packing Lid of CRM-FLU-CMS

PURCHASING SPECIFICATION: 7-FPS-0472

Version: 2

Page: 7/9

Effective date: 07-Sep-2024

Figure 1: The position of label on the shipping box /vị trí nhãn dán trên thùng carton

Carton Label must has information as below /Nhãn thùng carton phải thể hiện các thông tin sau:

❖ Vietnamese version /nhãn Tiếng việt:

Nhãn thùng

Tem nhận dạng - FOV			
Số Invoice			
Ngày giao hàng	Lần 1	Lần 2	Lần 3
Code vật tư của FOV			
Tên vật tư			
Số bản vẽ			
Số Lot			
Số lượng/lot			
Số lượng/thùng			
Số thứ tự thùng			
Các thông tin khác			
Barcode			
Code - Lot - Số lượng			

Hướng dẫn cách điền thông tin

1. Số Invoice: Ghi số invoice nếu có
2. Dùng con dấu số để thể hiện ngày giao hàng.
- Lần giao hàng đầu tiên trong ngày, đóng vào ô "Lần 1"
- Lần giao hàng thứ 2 trong ngày, đóng vào ô "Lần 2"
3. Code vật tư của FOV
4. Tên vật tư của FOV
5. Số bản vẽ FOV đặt hàng
- 6 & 7. Số Lot & số lượng/lot
- Thể hiện tất cả số lot và số lượng tương ứng với từng lot có trong thùng
8. Số lượng/thùng: số lượng tổng có trong thùng
9. Số thứ tự của thùng trong 1 lần giao hàng
10. Một số thông tin khác supplier cần để kiểm soát
11. Phần in barcode: voi format như sau
(áp dụng cho các vật tư không sử dụng bịch & chỉ có 1 code & 1 lot trong 1 thùng)

Code - Lot - Số lượng

Sử dụng font barcode: 3of9 hay 128

FOV recommend: sử dụng font 128 vì có chức năng sửa sai

❖ English version:

Outer carton label

Indication label - FOV			
Invoice number			
FOV material code			
Material name			
Drawing number			
Lot No			
Quantity/lot			
Quantity/carton			
Carton number			
Other information			
Barcode printing area			
Code - Lot - Quantity			

Instruction

1. Invoice number: Indicated invoice number
2. FOV material code: Indicate material code of FOV
3. Material name: Indicate material name
4. Drawing number: Indicate drawing number of this material
- 5 & 6: Lot no & quantity/lot
- Indicate all lot no & quantity of each lot on this carton
7. Quantity/carton: indicate total quantity of 1 carton
8. Carton number: indicate the ordinal number of this carton
9. other information (if any)
10. Barcode printing area:
(apply for only 1 code & 1 lot/carton and for material that not packing in bags)

Code - Lot - quantity

Use barcodefont: 3of9 or 128

FOV recommend: using font 128 because this font has corrective function

5. Delivery /Giao hàng:

The quantity, date and place of delivery shall be shown in table-5 below /Số lượng, ngày tháng và địa điểm giao hàng thể hiện trong bảng-5 sau:

Table5: Delivery /Bảng-5: Giao hàng

No.	Name of items /Tên vật tư	Quantity & Date of delivery /Số lượng và ngày giao	Place of delivery /Nơi giao hàng
1	According to table-1 /Xem bảng-1	According to Purchase order /Theo đơn hàng thực tế	FOV's address /Tại nhà máy FOV

6. Document requirements /Yêu cầu về tài liệu:

- **Manufacturer has to submit the production plan and relevant documents to FOV, such as /Nhà máy phải gửi kế hoạch sản xuất và các tài liệu khác đến FOV, cụ thể như sau:**
 - QCF document: must be sent before mass production. /Tài liệu QCF: Phải được gửi trước khi sản xuất hàng loạt

PACKING Case & Packing Lid of CRM-FLU-CMS

PURCHASING SPECIFICATION: 7-FPS-0472

Version: 2

Page: 8/9

Effective date: 07-Sep-2024

- Test Report: must be sent together with product for each shipment including records of lot number of product, material name, material code, kind of material, lot number of raw material, machine name, etc./*Phiếu Kiểm: phải được gửi cùng với sản phẩm cho mỗi lô hàng bao gồm số lượng lô sản phẩm, tên nguyên liệu, mã nguyên liệu, loại nguyên liệu, các loại nguyên liệu, tên máy...*
- Record of machine's working condition. /*Phiếu kiểm điều kiện làm việc của máy.*
 - *Manufacturer should not perform production without the approval from FOV. /Nhà sản xuất không được sản xuất khi chưa có sự chấp thuận từ FOV.*
 - *FOV will conduct necessary audit towards the manufacturer in case of any changes of manufacturing process that affect to the quality of product sent to FOV. /FOV nhất thiết sẽ thanh tra nhà sản xuất trong trường hợp có bất kỳ sự thay đổi nào trong qui trình sản xuất mà làm ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm giao tới FOV.*

7. **Attached drawing:** (if any)

PACKING Case & Packing Lid of CRM-FLU-CMS**PURCHASING SPECIFICATION: 7-FPS-0472**

Version: 2

Page: 9/9

Effective date: 07-Sep-2024

REVISION HISTORY

Date	Person	Version	Description		Reason of change	Requester
			Old contents	New contents		
27-Aug-2024	D.H.Nhung	1		First time issue		N.T.Phuong
07-Sep-2024	D.H.Nhung	2	- Old drawings + 7-DWM-0781 + 7-DWM-0782	- New drawing + 7-DWM-0781 + 7-DWM-0782	Apply new drawing	N.T.Phuong